

VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI VAI TRÒ QUẢN LÝ VĂN HÓA XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở QUẢNG NAM

BÙI QUANG THANH

Tóm tắt

Cũng như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số khác sinh sống trên lãnh thổ nước ta, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam hiện nay vẫn đang duy trì (ở những hình thức và mức độ khác nhau) vị trí của già làng song hành với sự hiện diện chính thống của trưởng thôn/bản cùng việc sử dụng/vận dụng khá nhiều luật tục, phong tục, tín ngưỡng dân gian bên cạnh hàng loạt các thiết chế, pháp luật do nhà nước và chính quyền các cấp ban hành trong quá trình quản lý văn hóa và đời sống xã hội nói chung. Bằng cách tiếp cận nhân học văn hóa, bài viết đi sâu tìm hiểu thực trạng của vấn đề chuyển đổi vai trò quản lý văn hóa xã hội trong cộng đồng các dân tộc Ca tu, Cor, Xơ-đăng và Giẻ Triêng ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam, từ đó nêu ra những nét tích cực và hạn chế hoặc bất cập của thực trạng này, tạo cơ sở cho một số đề xuất ứng xử mang tính khả thi, phục vụ nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi ở Quảng Nam nói riêng và ở Việt Nam nói chung hiện nay.

Từ khóa: Thiểu số, cộng đồng, luật tục, già làng, tín ngưỡng, chuyển đổi, giải pháp, kế thừa, phát huy, mô hình.

Abstract

Like several other ethnic minorities living on the territory of our country, ethnic minorities in Quang Nam now still maintain (in the various forms and degrees) the position of village patriarch in parallel with the orthodox presence of leaders village/hamlet with the adoption/ manipulation of so many customary laws, customs, folk beliefs alongside a series of institutions, laws issued by the government and authorities of various levels in the process of cultural and social-life management in general. By cultural anthropology approaching, the paper has an insight into the state of the switching issues of socio-cultural management role in the communities of peoples Ca tu, Cor, Xo-dang and Gie Trieng in the mountainous districts of Quang Nam province, from which brings forward the advantages and disadvantage or inadequacies of such situations, provide the basis to propose the feasible conducts, which serves the task of building cultural life for the ethnic minorities in Quang Nam in particular and in Vietnam in general today.

Keyword: Minority, community, customary law, village patriarch, belief, transition, solution, inebriate, promotion, model.

Miền núi tỉnh Quảng Nam, do đặc thù về điều kiện tự nhiên nên từ rất sớm đã là nơi sinh tụ của khá đông đồng bào các dân tộc thiểu số như: Catu, Giẻ Triêng, Cor, Xơ-đăng. Theo số liệu thống kê

năm 2004, các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam sinh sống ở 70 xã, 381 thôn, trên 700 điểm dân cư của 11 huyện và thị xã với dân số khoảng 99.637 người (chiếm khoảng 6,2% dân số toàn tỉnh), trong đó dân tộc Catu là 41.605 người,

Cor là 5.110 người, Giê-Triêng là 20.956 người và Xơ-đăng là 30.323 người (1). Giống như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số khác sinh sống trên lãnh thổ nước ta, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam hiện nay vẫn duy trì ở những hình thức và mức độ khác nhau vị trí của già làng song hành với sự hiện diện chính thống của trưởng thôn/bản với việc sử dụng/vận dụng khá nhiều luật tục, phong tục truyền thống trong quá trình quản lý văn hóa và đời sống xã hội nói chung.

Các luật tục - phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số ở Quảng Nam là những quy ước mang tính thực hành xã hội, và được coi là hình thức phát triển tích cực trong quá trình xây dựng thiết chế chung cho cộng đồng, bảo vệ cộng đồng trước mọi biến động của tự nhiên và xã hội. Với từng dân tộc, luật tục - phong tục dù được duy trì trong những hoàn cảnh xã hội và điều kiện tự nhiên khác nhau, nhưng luôn là yếu tố thiết cốt vô hình góp phần trọng yếu trong quá trình quản lý văn hóa xã hội của cộng đồng, đặc biệt là trong xã hội truyền thống. Đây cũng là đối tượng có tính phức tạp và hiện còn ít được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu.

Cho đến nay, hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng làng (vel, plơi...) là đơn vị xã hội cơ bản trong xã hội truyền thống của các tộc người Cor, Giê-Triêng, Xơ-đăng và Catu. Khái niệm xã hội truyền thống ở đây đương nhiên cần được hiểu trong phạm vi tự quản của một cộng đồng người nhất định, mọi thiết chế đa phần đều do cộng đồng tạo ra, đáp ứng nhu cầu quy tụ, điều chỉnh và vận hành mọi ứng xử của từng thành viên thuộc những mối quan hệ khép kín, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Và, để quản lý các đơn vị xã hội đó theo truyền thống tự cung tự cấp, khép kín của cộng đồng các tộc người, sự kết hợp giữa vai trò, vị thế của già làng với các hệ thống luật

tục đó tạo ra/hình thành "thế lực" chủ đạo, có vai trò quyết định trong quá trình quản lý cộng đồng, cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại. Từ sau 1975 trở đi, cùng với việc thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ, chính trị, kinh tế và văn hóa, cộng đồng xã hội các tộc người ở Quảng Nam nói riêng, trên phạm vi các tỉnh miền Nam Việt Nam nói chung, các thiết chế và bộ máy quản lý xã hội cũng chuyển sang mô hình quản lý mới, theo mô hình quản lý được hoạch định bởi đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thống nhất.

Cùng với việc hình thành bộ máy quản lý chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp thôn/bản, các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa xã hội gắn với cộng đồng các dân tộc thiểu số (được ban hành từ các cấp, ban ngành Trung ương và các tỉnh thuộc khu vực miền núi) luôn giành một phần quan trọng để định hướng, quy định về mặt pháp lý cho việc khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ lãnh thổ, đồng thời cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc.

Trong chính sách chung về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế, các vấn đề văn hóa - xã hội, đặc biệt là tổ chức quản lý xã hội đã sớm được đặt ra và ngày càng được coi trọng, bởi chúng không chỉ là những nhân tố góp phần thúc đẩy mà còn tiềm chứa không ít những yếu tố làm hạn chế hoặc cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội (2). Chính vì vậy, đối với tỉnh Quảng Nam nói riêng và các tỉnh miền núi ở Việt Nam nói chung, do những đặc thù về địa lý, về quá trình tộc người và lịch sử, văn hóa của từng địa phương, vấn đề tổ chức, quản lý xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi càng đặt ra bức thiết, nhất là trong giai đoạn phát triển hiện nay với nhiều nhân tố tác động đa chiều từ bên trong lẫn bên ngoài, tích cực xen lẫn tiêu cực.

Trên cơ sở thấy được tầm quan trọng của vấn đề tổ chức quản lý văn hóa - xã hội và thực trạng của vấn đề chuyển đổi vai trò quản lý từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại, hành chính hiện nay, dựa trên những tư liệu thu thập được trong quá trình điền dã cộng với một số tư liệu liên quan, trong bài viết này, chúng tôi cố gắng lý giải (trong phạm vi giới hạn ở những quan hệ lõi cốt) quá trình chuyển đổi ấy, mà thực chất là quá trình chuyển đổi vai trò, quyền lực giữa già làng và trưởng thôn, trưởng bản, đồng thời làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong quá trình này. Qua đó chúng tôi bước đầu đề xuất một số giải pháp mang tính ứng dụng, nhằm kế thừa và phát huy vai trò tích cực của mô hình quản lý văn hóa - xã hội cổ truyền trong công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Để xem xét vấn đề này, theo chúng tôi, khái niệm mô hình quản lý văn hóa - xã hội truyền thống (của đồng bào các dân tộc thiểu số thuộc các tỉnh thành cả nước nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng) bao gồm những thể chế, những thiết chế văn hóa - xã hội nhằm tổ chức và duy trì sự ổn định của cộng đồng dân cư (mà ở đây đơn vị cơ bản và quan trọng nhất là tổ chức làng/bản), trong đó vai trò của luật tục và vị trí của già làng có ý nghĩa then chốt. Phương thức tổ chức quản lý theo cổ truyền chủ yếu dựa vào luật tục, lấy biện pháp giáo dục, răn đe là chính (tính chất thiêng của luật tục rất được coi trọng). Thực tiễn đặt ra câu hỏi cần lời giải đáp: Tại sao, trong thiết chế quản lý cộng đồng truyền thống, hầu hết các bản/làng chỉ cần một hội đồng các bậc cao niên với đại diện là già làng có "tài cao, đức trọng" - theo đánh giá của mọi người, được cộng đồng suy tôn - và đảm chức điều luật tục bất thành văn (kèm theo các chế tài xử phạt tương ứng cùng một không gian sinh hoạt văn hóa tâm linh)

mà mọi nhu cầu về đời sống vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng đều được bao quát, mọi cách thức canh tác, an ninh, quan hệ trong cộng đồng cùng tài nguyên (rừng, khoáng sản, gia súc), môi trường sinh thái (nguồn nước), sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng đều được bảo vệ một cách bền vững? Chỉ có điều, do trình độ học thức hạn chế, công nghệ canh tác còn lạc hậu và tầm nhìn bó hẹp trong phạm vi không gian văn hóa làng/bản nên đời sống cộng đồng chưa được nâng cao, chưa tiếp cận được nhiều với cuộc sống văn minh về vật chất lẫn tinh thần. Gần như ngược lại, phương thức tổ chức, quản lý xã hội hiện đại, hành chính bao gồm bộ máy hành chính các cấp, quản lý xã hội chủ yếu bằng hệ thống văn bản pháp luật, dưới luật và bộ máy thực thi pháp luật (công an, tòa án, viện kiểm sát...) trong đó, vị trí của người trưởng thôn (chủ yếu do chính quyền đề cử hoặc giới thiệu cho dân bầu) đóng vai trò quan trọng đã và đang bộc lộ không ít khiếm khuyết, bất cập, gây ra nhiều hậu quả tiêu cực về quan hệ xã hội, về việc bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên cộng đồng và môi trường nhân văn, cho dù điều kiện sống đã được nâng cao, mức sống và các điều kiện xã hội khác đã tiếp cận với trình độ tiến văn minh, hiện đại.

Hai mô hình quản lý trên, tùy thuộc vào những điều kiện đặc thù và hoàn cảnh lịch sử mà có sự tồn tại song hành trong một thời gian khá dài và sau đó là chuyển đổi. Kể từ khi mô hình quản lý xã hội theo cơ cấu tổ chức hành chính hiện đại được xác lập ở vùng đồng bào các dân tộc miền núi (từ sau 1954 ở miền Bắc và sau 1975 ở miền Nam) đến nay, thực tế cho thấy, mô hình quản lý cộng đồng theo ước chế của luật tục và sự điều hành của già làng càng ngày càng bị lép vế, phai nhạt, nhường chỗ cho sự thắng thế của mô hình quản lý hành chính hiện đại trong việc tổ chức quản lý và điều hành xã hội.

Sự chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình quản lý hiện đại (nhìn ở góc độ điều hành, tổ chức lực lượng sản xuất, theo dõi an ninh trật tự xã hội, thực hành sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng) về thực chất - trong phạm vi hẹp - là quá trình chuyển đổi vai trò "quyền lực" giữa già làng và trưởng thôn, trưởng bản. Vậy tại sao lại có sự chuyển đổi đó? Sự chuyển đổi đó đem lại những tác động tích cực và tiêu cực gì? Làm thế nào để phát huy vai trò của những hạt nhân hợp lý trong mô hình quản lý truyền thống đối với cơ chế quản lý hiện đại ngày nay nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách có hiệu quả nhất?

Trước hết, có thể khẳng định rằng, quá trình chuyển đổi vai trò giữa già làng và trưởng thôn, trưởng bản là một quá trình lâu dài (vai trò của già làng chưa thể bị mất đi khi những cơ sở tồn tại của nó - chẳng hạn người dân vẫn cần kinh nghiệm của già làng, cần một người "đỡ đầu" về tinh thần, về thực hành tín ngưỡng tâm linh - vẫn còn). Quá trình đó lại không hề giống nhau giữa các địa phương mà thường phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh đặc thù, phong tục tập quán của từng thôn/bản, từng dân tộc.

Xét về nguyên nhân của quá trình chuyển đổi này, có thể thấy rằng, dưới các triều đại phong kiến, đơn vị bản trong tổ chức xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi được xem là một đơn vị kinh tế, văn hóa, xã hội khép kín, trong đó vai trò của già làng là "tối cao", già làng là người duy trì truyền thống, chuyển giao kinh nghiệm, già làng là trung tâm của mọi hoạt động, từ sản xuất đến tổ chức đời sống văn hóa tín ngưỡng. Cũng bởi sống trong một môi trường tự nhiên khắc nghiệt, sự tranh giành đất đai, tài nguyên lâm thổ sản để sinh tồn giữa các nhóm người, dòng tộc, cộng đồng thân hữu thường xuyên xảy ra nên tính cộng đồng (ý thức cộng đồng) trở thành vũ khí lợi hại để đối phó với những thách thức

trong công cuộc sinh tồn. Con người cần liên kết với nhau để ứng xử với mọi hoàn cảnh tự nhiên cũng như xã hội. Chính những đặc điểm đó đã tạo nên và kết tụ thành những chức năng, những phẩm chất cần/phải có của một già làng, bởi vậy già làng thường/luôn luôn trở thành "chủ làng" thực sự.

Như một hệ quả tất nhiên, khi những điều kiện đảm bảo cho sự mệnh tồn tại của già làng biến đổi (do hoàn cảnh chiến tranh, do tác động của những cộng đồng người lớn hơn, có trình độ phát triển cao hơn, do thay đổi thể chế xã hội,...) thì hệ quả tất yếu là vai trò của già làng ngày càng giảm đi, thay vào đó là sự lớn mạnh quyền lực và vai trò của người quản lý mới: trưởng thôn, trưởng bản và bộ máy quản lý hành chính kèm theo nó. Trưởng thôn xuất hiện, trong những thời điểm/hoàn cảnh nhất định, ở một số phương diện, được coi là đối trọng với già làng. Dĩ nhiên quá trình chuyển đổi ấy, về thực chất không hề đơn giản và nhanh chóng mà thực sự là một quá trình chuyển đổi/thay thế lâu dài. Sự xác lập vai trò của trưởng thôn (đại diện cho chính quyền, cho mô hình quản lý hiện đại) có những lợi thế nhất định (do hoàn cảnh khách quan thuận lợi...). Quá trình tiếp nhận bộ máy quản lý mới cũng chịu sự chi phối của những điều kiện khách quan (hoàn cảnh chiến tranh dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các cộng đồng người để chống kẻ thù chung đòi hỏi sự đoàn kết,...). Có thể thấy, trong quá trình vận hành xã hội đó, chính sách của nhà nước (thể hiện qua các văn bản hiến pháp, luật và văn bản dưới luật) đối với vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đóng vai trò quan trọng và mang tính quyết định, bên cạnh sự tự nguyện/đồng thuận của đồng bào các dân tộc.

Một nguyên nhân khác dẫn đến sự chuyển đổi là sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội trong hoàn cảnh/điều kiện xã hội mới. Sự phát triển này đặt ra những vấn đề mà

bản thân mô hình quản lý xã hội truyền thống - đứng đầu là già làng - không thể tự mình giải quyết được. Và như vậy, khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định, do các nhu cầu và điều kiện khách quan, già làng không còn khả năng/trình độ phù hợp để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Xét cho cùng, sự chuyển đổi vai trò quản lý xã hội như vậy giữa già làng và trưởng thôn/bản cũng là một sự tất yếu. Vấn đề nằm ở chỗ, chúng liệu sẽ đem lại những gì cho cuộc sống của đồng bào? Chính điều này sẽ quyết định vai trò thật sự được xác lập trong tương lai giữa già làng và trưởng thôn/ trưởng bản. Bên cạnh những tác động tích cực đối với cuộc sống của đồng bào, đem lại cho đồng bào những lợi ích và tiện nghi hiện đại (chúng tôi chưa có điều kiện phân tích nhiều ở đây), thì cũng chính quá trình chuyển đổi ấy đã và sẽ làm mất đi một số giá trị văn hóa truyền thống/tri thức bản địa được sáng tạo, chắt lọc, trao truyền, lưu giữ từ bao đời. Già làng được coi là “tinh hoa”, là quyền lực đầy uy tín, đại diện cho cả cộng đồng xưa kia, sẽ chỉ còn đóng vai trò của một người cố vấn, một người quản lý lễ nghi, “bộ nhớ” cho quá trình thực hành những lớp lang nghi lễ, phong tục tập quán hoặc một phần tri thức bản địa - nguồn tri thức địa phương được ứng dụng khả thi cho thực tiễn canh tác hay ứng xử với môi trường sinh thái (bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ giống cây, muông thú) và môi trường nhân văn. Còn mọi công việc đều tập trung vào tay trưởng thôn, bản - người trực tiếp thay mặt/cầu nối giữa bộ máy chính quyền với cộng đồng trong mọi quan hệ xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa.

Thực tế điển dã một số xã của huyện Tây Giang, Quảng Nam, nhìn từ góc độ so sánh cho thấy: Khi vai trò của trưởng thôn (đa phần là những người trẻ tuổi, có trình độ văn hóa nhất định) còn mang tính khởi đầu, làm quen với công tác tham gia điều hành, quản

lý cộng đồng làng/bản, tiếng nói già làng vẫn gần như (về mặt thực tế) có tính quyết định và có sức mạnh chế ngự sâu sắc, phù hợp hoặc đồng thuận với nhu cầu cơ bản của xã hội nói chung. Chẳng hạn, tại thôn Bờninh thuộc xã Lăng (huyện Tây Giang), cho đến những năm cuối thế kỷ XX, tình trạng ngăn cấm săn bắt động vật quý hiếm của nhà nước được triển khai bởi các trưởng thôn, chính quyền và lực lượng an ninh sở tại cùng hàng loạt các bộ luật chính thống ban hành, nhưng về thực chất vẫn không có hiệu quả. Với trọng trách là già làng, ông Clâu-nâm đó sáng tạo bằng cách, tự mình đeo khắc hình các con vật quý hiếm (vốn ngày một ít đi hoặc có nguy cơ bị hủy diệt trong rừng của làng/xã mình, như hổ, báo, gấu, kỳ đà, cùng một số loài chim quý hiếm khác) lên nhiều tấm ván và đem treo quanh các bức tường của *gươl* - nhà sinh hoạt cộng đồng. Sau đó, ông cùng hội đồng già làng tập trung dân làng đến xem các hình chạm khắc treo trên vách *gươl*, rồi tự nguyện cùng nhau làm lễ cúng thần, lần lượt thể trước các thần linh từ nay không bao giờ săn bắt các loại động vật hiện hữu trên vách kia. Hiệu quả là, ngay từ những năm đầu thế kỷ XXI cho đến nay, không một thành viên nào của bản làng dám vi phạm lời thề từ không gian thiêng của cộng đồng đó nữa. Về việc xây dựng nhà văn hóa thôn cũng có một thực tế. Đó là, khá nhiều xã của các huyện Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang (hơn chục năm qua) đó đầu tư kinh phí thuê thợ về dựng những nhà *gươl* khang trang, to đẹp, theo đúng khuôn mẫu *gươl* truyền thống của người Catu. Một số địa phương còn đầu tư sắt thép, xi măng để bê tông hóa cho bền vững. Thế nhưng, tại không gian dành cho sinh hoạt văn hóa cộng đồng này, hầu hết dân chúng lại không muốn đến tụ họp, nghỉ ngơi, giao lưu. Đa phần nhà *gươl* chỉ thuần túy là nơi hội họp, mít tinh của các hội đoàn hoặc chính quyền sở tại. Bởi lẽ, với người dân, nhà

văn hóa cộng đồng truyền thống phải là nơi hiện tồn không gian thiêng, có “Giàng” cùng các thánh thần về ngự trị, thường dõi theo cuộc sống cộng đồng, phù trợ cho cộng đồng về mọi mặt mỗi khi các thành viên trong cộng đồng có nhu cầu. Các cây cột, tấm lá phục vụ cho quá trình dựng *gươl* phải được người dân - mà đại diện là già làng - theo dõi, kiểm soát. Chính họ phải biết được các loại cây đó có xuất xứ từ đâu, có ở đâu nguồn nước không, có ở nơi rừng sạch không, có bị kiến, mối ăn không và quan trọng là, trước khi chặt, cây đó đã được già làng làm lễ xin phép thần linh chưa, khi đào móng, dựng nhà, đã làm lễ cúng thần chưa? Những yếu tố văn hóa tín ngưỡng - phong tục đó nếu được thực hiện, mới góp phần tạo ra không gian thiêng và các thần mới về ngự trị, con người đến đó mới được phù trợ về sức khỏe, mùa màng, cuộc sống gia đình thuận hòa, yên ấm,...(3)

Cách nhìn nhận của cộng đồng về vị trí, vai trò và quyền hạn trong sự đối sánh giữa già làng và trưởng thôn cũng khác nhau ở hầu hết các thôn, bản hiện nay. Đa số giới trẻ cho rằng, già làng chỉ nên là người giữ những công việc liên quan đến truyền thống, là người trao truyền kiến thức văn hóa bản địa, người điều hòa các quan hệ xã hội, các xung đột nhỏ lẻ (giữ vai trò chủ đạo trong hòa giải) nảy sinh trong một phạm vi hẹp, người tổ chức đời sống văn hóa tinh thần...; còn phần lớn công việc đều chịu sự chi phối và quyết định của chính quyền mà người đại diện trực tiếp và gần gũi là trưởng thôn, trưởng bản. Cách nhìn nhận này, nếu soi chiếu ở một mức độ nhất định, có thể nghĩ rằng, đây chính là một trong những nguyên nhân làm mất đi tinh thần tự nguyện và tính giáo dục, răn đe vốn có của luật tục vốn được hình thành và ăn sâu vào mỗi cá nhân bởi tính thiêng (“pháp luật dân gian”- luật tục là luật của trời). Trưởng thôn (bản) là người có nhiều quyền lực theo quy định về chức năng, nhiệm

vụ và quyền hạn của chính quyền, tuy có ưu thế về tuổi trẻ và học thức cao hơn, nhưng uy tín, đức độ và kinh nghiệm cũng như sự am hiểu về kỹ thuật canh tác, kỹ năng ứng xử nhân thế chưa đủ sức chinh phục đa số thành viên của cộng đồng và do vậy, chưa đủ sức tạo ra uy thế để quy tụ, điều chỉnh, vận hành các mối quan hệ theo yêu cầu của sự phát triển xã hội, cũng bởi vậy, người dân ít sợ hơn. Đây là điều mà chúng ta tưởng chừng như đó thành công trong việc xác lập bộ máy chính quyền ở cấp cơ sở (thôn, bản), nhưng trên thực tế, về lâu dài, chính điều này làm cho ý thức tuân thủ pháp luật, luật tục (vốn trước đó rất tốt do được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tính thiêng) của đồng bào sẽ nhanh chóng bị xói mòn. Và đương nhiên, trong quá trình quản lý xã hội rất cần đến quan hệ đối ngoại để hỗ trợ cho sự phát triển và cũng để điều hành, chế ngự nội bộ cộng đồng, song sự kết hợp thiếu chặt chẽ giữa già làng với trưởng thôn đã và đang dẫn tới không ít khúc mắc, rào cản, thậm chí xung đột giữa làng/bản này với làng/bản khác. Chẳng hạn, trước kia, ở Quảng Nam, đã tồn tại mối xung đột giữa các làng có liên quan đến tục “trả đầu người” hay còn gọi là tục “săn máu” - vốn phổ biến ở đa số các dân tộc như: Catu, Xơ-đăng, Giẻ Triêng. Trong quá khứ, các già làng của các bên liên quan không đủ khả năng giải quyết dứt điểm hủ tục có tính man rợ này. Chỉ đến khi có sự xuất hiện của trưởng thôn, với sự hỗ trợ của chính quyền kèm hệ thống luật pháp tương ứng (luật hình sự, luật bảo vệ tài nguyên và môi trường...), vấn đề trả nợ máu mới cơ bản được giải quyết, tạo ra mối quan hệ đoàn kết cộng đồng và đảm bảo trật tự trị an xã hội trong không gian cư trú của đồng bào các dân tộc”. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa trưởng thôn và già làng trong trường hợp này không có được sự đồng thuận ngay từ đầu, ảnh hưởng nhiều đến việc giải quyết dứt điểm tình trạng trên.

Từ thực tế của quá trình chuyển đổi vai trò quản lý văn hóa xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa các thiết chế quản lý xã hội hiện tại. Yêu cầu đặt ra là phải kế thừa được những hạt nhân hợp lý, tích cực của mô hình truyền thống, làm cho công tác quản lý hành chính, quản lý xã hội được tốt hơn, phục vụ đắc lực hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi tỉnh Quảng Nam.

Trước hết, vai trò và vị trí quan trọng của già làng (do nhiều nhân tố khách quan lẫn chủ quan chi phối) vẫn phải được tiếp tục duy trì. Tiếp cận từ thói quen truyền thống, già làng gần như đồng nhất với kho tàng tri thức bản địa/địa phương, là khuôn mẫu cho mọi hành vi, đạo đức mà cộng đồng phải noi theo. Già làng là chủ thể có thể lực đủ sức cân bằng, xem xét hoặc phán quyết các mối quan hệ - cả về mặt vật chất lẫn tâm linh, từ phạm vi gia đình tới dòng họ và xã hội làng bản. Do vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là cần có một cơ chế linh hoạt, mềm dẻo hơn nữa nhằm kết hợp kinh nghiệm, khả năng cố kết cộng đồng, duy trì truyền thống... của già làng với công tác quản lý của trưởng thôn. Có như vậy mới giải quyết tốt được mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và phát triển. Quan trọng hơn là, già làng sẽ cùng với trưởng thôn và hội đồng già làng, đại diện của các hội đoàn (hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, hội đồng niên,...) trở thành một hội đồng chung thống nhất, có thể bổ sung nhiệm vụ và trách nhiệm cho nhau. Nhờ đó, vai trò, vị trí của từng "bộ phận" sẽ được xác lập trong mối quan hệ biện chứng với những thành phần còn lại, nhằm giải quyết tốt công việc quản lý xã hội cùng những vấn đề phát sinh trong đời sống cộng đồng.

Ở một khía cạnh khác, xuất phát từ thực trạng xã hội và nhu cầu thực tiễn, chính quyền

sở tại, bằng thiết chế chính thống, cần sớm công nhận vai trò của già làng. Lâu nay chúng ta vẫn coi trưởng thôn là người đại diện chính thức và duy nhất của chính quyền ở cấp cơ sở và chính điều này đã làm hạn chế vai trò to lớn của già làng trong việc quản lý xã hội ở cấp thôn/bản. Vì thế, nên xây dựng một thứ thiết chế, trong đó quy định sự gắn kết trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn và lợi ích (phụ cấp, lương hoặc các hình thức hỗ trợ vật chất tương xứng) linh hoạt giữa già làng với trưởng thôn, dưới sự định hướng, kiểm soát của chính quyền cấp xã mỗi khi phải ứng phó, xử lý, giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình quản lý cộng đồng từng làng/bản. Có một thực tế hiện nay là tại các làng/bản miền núi nói riêng (và tại hầu khắp các làng quê Việt Nam nói chung), người đảm nhiệm vai trò trưởng thôn luôn phải giành quá nhiều thời gian, công sức để đáp ứng yêu cầu đặt ra của chính quyền địa phương và nhu cầu cấp thiết thường nhật của người dân (từ an sinh xã hội đến thời vụ canh tác, an ninh cộng đồng, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn, hoạt động lễ hội, tín ngưỡng,...); trong khi đó, quyền lợi, chính sách đối xử của nhà nước dành cho trưởng thôn gần như không tương xứng với công sức mà họ bỏ ra. Thực tế này chính là tác nhân cản trở hiệu quả công việc, vô tình tạo đà cho sự nảy sinh không ít tiêu cực, thậm chí dẫn đến thoái thác, từ bỏ công việc được giao phó.

Trên đây là một vài giải pháp có tính chất chuyên biệt nhằm góp phần giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình chuyển đổi vai trò quản lý xã hội từ truyền thống sang hiện đại. Để những giải pháp này phát huy được hiệu quả, một điều không kém phần quan trọng là phải sớm có kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa một cách hệ thống và hoàn chỉnh những thiết chế, chính sách cụ thể (ưu tiên những chính sách về văn hóa, khai thác giá trị luật tục, phong tục, tín ngưỡng) nhằm phát triển mọi

mặt đời sống kinh tế, xã hội vùng miền núi. Có như thế mới hy vọng đi tới một giải pháp tổng thể, trong đó các giải pháp cụ thể sẽ bổ sung cho nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển.

Chính sách đối với vùng miền núi - nơi đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú, làm ăn, gắn bó thường trực với vận mệnh lịch sử của cộng đồng dân tộc, nhất là vùng biên giới - từ lâu đã được cha ông ta chú trọng. Việc thực thi chính sách này đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ lãnh thổ, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội. Bước vào giai đoạn phát triển xã hội công nghiệp, văn minh và hiện đại, vấn đề nghiên cứu sự chuyển đổi vai trò quản lý văn hóa xã hội ở vùng định cư của cộng đồng các dân tộc thiểu số càng cần được đặt ra một cách cấp thiết. Nhìn nhận từ thực tiễn, có thể khẳng định được rằng, việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa già làng và trưởng bản, giữa truyền thống và hiện đại sẽ là động lực to lớn thúc đẩy công tác quản lý cộng đồng xã hội trong phạm vi làng bản đạt hiệu quả cao hơn, góp phần phát triển mọi mặt ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện tại và mai sau.

B.Q.T

(PGS, TS, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam)

Chú thích:

* Tục "săn máu" của người Catu nhìn về khởi thủy, bắt nguồn từ một tín ngưỡng cổ xưa, gắn với tục hiến tế các lực lượng siêu nhiên, cầu mong mùa màng bội thu, cộng đồng bình an, tránh được bệnh tật. Bước vào mùa làm rẫy, làng Catu thường tổ chức bí mật đi phục kích đầu người, bất kể gặp người đó thuộc làng nào, tộc nào, đem ngọn giáo có dính máu về làm lễ cúng tại gươl. Và tất nhiên, làng có người bị hại lập tức tổ chức báo thù, gọi là tục "trả đầu". Người của làng Catu bị hại (hoặc làng của tộc người khác) tin rằng, sự báo thù này là cần thiết để thay cho sự rủi ro của làng mình. Nếu không báo thù được tại làng đã gây ra sự đổ máu trên, họ quay ra đi đâm người của làng khác, để thay thế, và đem vết máu đó về thờ cúng tại gươl

lấy may. Theo lời kể của ông Hồ Văn Noa, 59 tuổi (ở thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn - 2006): "Trước Cách mạng Tháng Tám, vào khoảng tháng giêng, tháng hai, sau mùa gặt và vào khoảng tháng sáu, tháng bảy sau mùa tủa, nạn "giặc mua" và tục "săn máu" thường diễn ra. Lúc này, những hình thức tín ngưỡng nguyên thủy còn chi phối nặng nề đến đời sống đồng bào, mỗi khi trong làng có người đau ốm, hoạn nạn đồng bào đều cho là ma, trời xui khiến, phải đi chém nhau giữa làng này với làng khác. Hậu quả của tập tục cực kỳ nguy hiểm đó trước đây đã dẫn đến 30 làng Pơ Noong bị tiêu diệt. Mỗi khi xảy ra vụ "săn máu" như thế, các già làng liên quan bắt buộc phải đứng ra tìm cách giải quyết, nhưng đa phần đều bất lực trước lệ tục này. Năm 2000 là thời điểm gần nhất, tại làng Catu thuộc huyện Nam Giang còn để xảy ra vụ "trả đầu" khủng khiếp giữa người Catu với người Kinh và chính quyền đã kịp thời giải quyết. Tục "săn máu" này còn xuất hiện trong các làng của các tộc người Giẻ - Triêng (Nam Giang), Cadong (Bắc Trà My), Bnoong (Phước Sơn)... nhưng với người Catu, điều đó diễn ra phổ biến hơn và thành ấn tượng sâu sắc cho cư dân vùng rừng núi Quảng Nam (5 và 6).

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Dân tộc - Miền núi tỉnh Quảng Nam (2004), Báo cáo năm 2004.
2. Phạm Lan Oanh (2009), *Hủ tục, tệ nạn và quản lý văn hóa xã hội*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 298.
3. Bùi Quang Thanh (2007), *Gươl Catu trong quỹ đạo quy tụ, vận hành và điều chỉnh văn hóa cộng đồng tộc người*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5.
4. Bùi Quang Thanh (2008), *Nghiên cứu luật tục, phong tục của các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên, 2005), *Katu kẻ sống đầu nguồn nước*, Nxb Thuận Hóa.
6. Lê Anh Tuấn (2002), *Đôi nét về luật tục Catu*, Tạp chí Dân tộc học, số 2.

Ngày nhận bài: 24/4/2013

Ngày phản biện, đánh giá: 17/5/2013

Ngày chấp nhận đăng: 18/6/2013